

Số: 26/BC-THCSĐG

Đức Giang, ngày 04 tháng 9 năm 2024

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM HỌC 2023-2024

### I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường THCS Đức Giang.

2. Địa chỉ trụ sở: Số 10, tổ 6, ngõ 15, phố Ô Cách, phường Đức Giang, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

3. Loại hình của cơ sở giáo dục: Công lập.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

a) Sứ mạng:

Tạo dựng một môi trường học tập thân thiện, an toàn, có kỷ cương, tinh thương trách nhiệm, có chất lượng giáo dục cao để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển tài năng, phát huy tính sáng tạo, có kỹ năng sống, biết thích ứng, phát triển tối đa phẩm chất và năng lực cá nhân, trở thành những công dân có ích cho xã hội.

b) Tầm nhìn

- Là một trong những trường Tiên tiến của Quận, nề nếp được duy trì và phát triển tốt, được học sinh lựa chọn để học tập và rèn luyện, nơi học sinh và giáo viên luôn có khát vọng vươn tới xuất sắc.

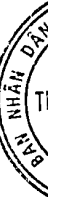
- Tạo dựng được môi trường học tập có nền nếp, kỷ cương, có chất lượng giáo dục cao, để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển tài năng và tư duy sáng tạo.

c) Mục tiêu của cơ sở giáo dục

Vì một mục tiêu chung: “Xây dựng nhà trường có uy tín về giáo dục toàn diện cho học sinh, nâng cao chất lượng dạy - học và tỷ lệ học sinh thi đỗ vào THPT công lập, số lượng học sinh giỏi cấp Quận, cấp Thành phố, giáo viên giỏi cấp Quận cấp thành phố”.

Huy động toàn bộ đội ngũ CB-GV-NV nhà trường tiếp tục thực hiện có hiệu quả cuộc vận động “Học tập và làm theo tư tưởng đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, cuộc vận động “Mỗi thầy, cô giáo là tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo”; Giáo dục học sinh rèn luyện đạo đức, lối sống; chấp hành tốt pháp luật - kỷ cương - nề nếp, văn hóa nhà trường, ngoài xã hội và trong gia đình.

Phát triển đội ngũ CB-GV-NV vững vàng về chuyên môn, nghiệp vụ; tích cực đổi mới phương pháp dạy, học phù hợp và phát huy tính chủ thể đối với học sinh; luôn nêu cao ý thức và phấn đấu thực hiện tốt phong trào tự học tập, bồi



đưỡng và hỗ trợ lẫn nhau trong việc phát triển chuyên môn và nhân cách nhà giáo của đội ngũ cán bộ, giáo viên nhà trường.

Xây dựng môi trường sư phạm, văn hóa qua việc phát huy tốt phong trào thi đua xây dựng “Trường học thân thiện - học sinh tích cực” với nội dung chủ yếu: tạo khung cảnh nhà trường luôn “ Xanh - Sạch - Đẹp - Văn minh - Hạnh phúc”, môi trường sư phạm lành mạnh; tạo sự đoàn kết gắn bó, tôn trọng nhau giữa các thành viên trong trường; xây dựng phương pháp dạy - học tích cực cho học sinh ở trường, ở nhà, học tập theo nhóm, tổ và tổ chức các hoạt động ngoại khóa, ngoài giờ lên lớp để giáo dục truyền thống, rèn luyện sức khỏe, thẩm mỹ và kỹ năng sống cho học sinh.

Đổi mới công tác lãnh đạo và quản lý nhà trường; tích cực ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong dạy học và quản lý. Xây dựng kế hoạch và huy động các nguồn lực xã hội hóa giáo dục.

Tạo dựng được môi trường học tập, rèn luyện đạt chất lượng cao; xây dựng được thương hiệu nhà trường và luôn tạo được niềm tin với cấp uỷ, chính quyền nhân dân địa phương.

Tổ chức thực hiện tốt quy mô trường có 100% học sinh được học 2 buổi/ngày và đầu tư chất lượng giáo dục mũi nhọn.

### **5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục**

Trường cấp II Đức Giang được thành lập năm 1987, đến năm 1991 trường được đổi tên thành THCS thị trấn Đức Giang, năm 2004 trường đổi tên thành trường THCS Đức Giang. Trường THCS Đức Giang nằm trên địa bàn tổ 6 phường Đức Giang, quận Long Biên, tỉnh Hà Nội; cơ cấu bộ máy nhà trường có đầy đủ các bộ phận Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, giáo viên, nhân viên, học sinh khối 6,7,8,9 các tổ chuyên môn, tổ văn phòng, có chi bộ Đảng lãnh đạo, các đoàn thể trong nhà trường; công chức, viên chức nhà trường chịu sự quản lý của UBND quận, các hoạt động chuyên môn chịu sự quản lý của phòng GD&ĐT. Chức năng nhiệm vụ của nhà trường thực hiện theo điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học.

Cơ sở vật chất của nhà trường từ năm 2014 trở lại đây được xây dựng kiên cố có đủ phòng học, phòng học bộ môn, phòng thí nghiệm thực hành, các phòng phục vụ học tập và công trình phụ trợ. Nhờ sự quan tâm của Đảng, chính quyền phường Đức Giang của Phòng GD&ĐT, UBND quận Long Biên các hoạt động giáo dục 5 năm trở lại đây được thực hiện đầy đủ, nghiêm túc; các kết quả hoạt động có sự chuyển biến tích cực, hàng năm nhà trường đều hoàn thành và hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kế hoạch, nhiệm vụ năm học đặt ra. Tập thể cán bộ giáo viên nhà trường nhiều năm liền thi đua đạt danh hiệu tập thể lao động tiên tiến.

Cơ sở vật chất nhà trường được xây dựng kiên cố, đầy đủ các phòng học, phòng bộ môn, phòng thực hành thí nghiệm, các phòng phục vụ học tập và khu hiệu bộ khang trang, sạch đẹp đầy đủ đáp ứng tốt cho các hoạt động giáo dục và đạt chuẩn trường Chuẩn quốc gia.

## 6. Thông tin người đại diện pháp luật

Họ và tên: Nguyễn Thị Soan. Chức vụ: Hiệu trưởng.

Địa chỉ nơi làm việc: Số 10, tổ 6, ngõ 15, phố Ô Cách, phường Đức Giang, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Số điện thoại: 0975.899.208

Địa chỉ thư điện tử: nguyenthisoant8@gmail.com

## 7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập trường *(theo file quyết định đính kèm)*

b) Quyết định công nhận hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường *(theo file quyết định đính kèm)*

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm hiệu trưởng, phó hiệu trưởng *(theo các file quyết định đính kèm)*

d) Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục

Công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục; tổ chức giảng dạy, học tập và hoạt động giáo dục đạt chất lượng đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp THCS do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

- Thực hiện phổ cập giáo dục.

- Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp THCS.

- Triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp THCS do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; thực hiện lựa chọn sách giáo khoa theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; triển khai thực hiện sách giáo khoa và nội dung giáo dục của địa phương theo quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố; thực hiện tự chủ chuyên môn trong tổ chức các hoạt động giáo dục tại trường THCS.

- Thực hiện tự kiểm định chất lượng và đảm bảo chất lượng giáo dục theo quy định.

- Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

- Quản lý và sử dụng tài chính và tài sản của nhà trường theo quy định của pháp luật.

- Phối hợp chặt chẽ với cha mẹ hoặc người giám hộ học sinh, các tổ chức và cá nhân trong cộng đồng thực hiện các hoạt động giáo dục. Tổ chức cho giáo

viên, người lao động và học sinh tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương.

- Xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục trong nhà trường, tham gia xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục ở địa phương.

- Được tiếp nhận các khoản tài trợ, viện trợ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với nhà trường theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

e) Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục (Biểu kèm theo)

g) Họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục

- Họ tên: Nguyễn Thị Soan

- Chức vụ: Hiệu trưởng

- Số điện thoại: 0975.899.208

- Địa chỉ thư điện tử: nguyenthisoan8@gmail.com

- Địa chỉ nơi làm việc: Số 10, tổ 6, ngõ 15, phố Ô Cách, phường Đức Giang, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

- Nhiệm vụ, trách nhiệm:

+ Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển nhà trường; lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch dạy học, giáo dục; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền.

+ Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng thi đua khen thưởng; hội đồng kỉ luật, hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; cử giáo viên làm Tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh.

+ Thực hiện các nhiệm vụ quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan quản lý giáo dục; xây dựng kế hoạch phát triển năng lực nghề nghiệp cho giáo viên, nhân viên; động viên và tạo điều kiện cho giáo viên và nhân viên tham gia các hoạt động đổi mới giáo dục; thực hiện đánh giá, xếp loại giáo viên, nhân viên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; tham gia quá trình tuyển dụng, thuyên chuyển, sắp xếp giáo viên; tổ chức các bước giới thiệu nhân sự đề nghị cấp có thẩm quyền bổ nhiệm phó hiệu trưởng.

+ Quản lý, tiếp nhận học sinh, cho phép học sinh chuyển trường; quyết định kỉ luật, khen thưởng học sinh; phê duyệt kết quả đánh giá học sinh, danh sách học sinh lên lớp, lưu ban; tổ chức kiểm tra công nhận việc xét tốt nghiệp THCS cho học sinh.

+ Tổ chức triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp THCS theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; sách giáo khoa, nội dung giáo dục của địa phương theo quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố. Thực hiện quản lý, sử dụng và lựa chọn SGK sử dụng trong nhà trường theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Tham gia sinh hoạt cùng tổ chuyên môn; tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, năng lực quản lý. Dự các lớp bồi dưỡng về chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ quản lý; tham gia giảng dạy theo quy định về định mức tiết dạy đối với hiệu trưởng.

+ Quản lý hành chính; quản lý và tự chủ trong việc sử dụng các nguồn tài chính, tài sản của nhà trường theo quy định.

+ Tổ chức thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; thực hiện xã hội hoá giáo dục, phối hợp tổ chức, huy động các lực lượng xã hội cùng tham gia hoạt động giáo dục, phát huy vai trò của nhà trường đối với cộng đồng xã hội.

+ Xây dựng môi trường học đường an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường theo quy định của Pháp luật.

## II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

### 1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm

VỊ TRÍ VIỆC LÀM		Nam	Nữ	Biên chế	Hợp đồng	Đạt chuẩn		Trên chuẩn	
						SL	TL	SL	TL
Cán bộ quản lý	Hiệu trưởng	0	1	1	0	1	100%		
	Phó Hiệu trưởng	0	1	1	0	1	100%		
Giáo viên	Văn hóa	3	26	22	7	28	96,43%	1	3,57%
	Âm nhạc	0	1	1	0	1	100%		
	Mĩ thuật	1	0	1	0	1	100%		
	Giáo dục thể chất	1	1	2	0	2	100%		
	Tiếng Anh	1	3	4	0	4	100%		
	Tin học	1	0	1	0	1	100%		
Nhân viên	Kế toán	0	1	1	0	1	100%		
	Văn thư	0	1	1	0	1	100%		
	Thư viện	0	1	1	0	1	100%		
	Y tế	0	1	1	0	1	100%		
	Đồ dùng	0	1	1	0	1	100%		
	Bảo vệ	3	0	0	3	3	100%		
	Lao công	0	1	0	1	1	100%		
<b>Tổng cộng</b>		<b>10</b>	<b>39</b>	<b>38</b>	<b>11</b>	<b>48</b>	<b>97,96%</b>	<b>1</b>	<b>2,04%</b>

### 1. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định: [

XẾP LOẠI CHUẨN NGHỀ NGHIỆP	Tốt		Khá		Không đánh giá	
	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
Cán bộ quản lý	2	100%	0	0	0	0
Giáo viên	27	87,09%	4	12,91%	0	0

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định:

BỒI DƯỠNG HẰNG NĂM	Hoàn thành		Không hoàn thành	
	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
Cán bộ quản lý	2	100%	/	/
Giáo viên	31	100%	/	/
Nhân viên	5	100%	/	/

### III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

TT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học		Số m <sup>2</sup> /học sinh
II	Loại phòng học	22	1,5 m <sup>2</sup> /HS
1	Phòng học kiên cố	22	1,51 m <sup>2</sup> /HS
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	11	0,73 m <sup>2</sup> /HS
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	01	0,15 m <sup>2</sup> /HS
7	Bình quân lớp/phòng học	22/22	1,17
8	Bình quân học sinh/lớp	39	-
III	Số điểm trường	01	01
IV	Tổng số diện tích đất (m <sup>2</sup> )	4250 m <sup>2</sup>	5,75 m <sup>2</sup> /HS
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m <sup>2</sup> )	1646 m <sup>2</sup>	2,21 m <sup>2</sup> /HS
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m <sup>2</sup> )	1088,6 m <sup>2</sup>	1,39 m <sup>2</sup> /HS
2	Diện tích phòng học bộ môn (m <sup>2</sup> )	1091 m <sup>2</sup>	1,45 m <sup>2</sup> /HS
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m <sup>2</sup> )		
3	Diện tích thư viện (m <sup>2</sup> )	115 m <sup>2</sup>	0,15 m <sup>2</sup> /HS
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m <sup>2</sup> )	419 m <sup>2</sup>	0,56 m <sup>2</sup> /HS
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m <sup>2</sup> )	57,2 m <sup>2</sup>	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		8
1.1	Khối lớp. 6		2

TT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
1.2	Khối lớp 7		2
1.3	Khối lớp 8		2
1.4	Khối lớp 9		2
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		0
2.1	Khối lớp. 6		0
2.2	Khối lớp 7		0
2.3	Khối lớp 8		0
	Khối lớp 9		0
	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	79	0,106/máy
IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng	11	Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	1	0,052/lớp
2	Cát xét	6	0,315/lớp
3	Đầu Video/đầu đĩa	2	0,105/lớp
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	30	1,57/lớp
5	Thiết bị khác...	0	
	Nội dung	Số lượng (m <sup>2</sup> )	
X	Nhà bếp	0	
XI	Nhà ăn	0	

TT	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m <sup>2</sup> )	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	288	17	1,64m <sup>2</sup> / chỗ
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m <sup>2</sup> /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	01	0	03/	03	0,3
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	0

*QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu)*

TT	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet (ADSL)	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

\* Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt: ~

- Danh mục sách giáo khoa lớp 6 được sử dụng trong nhà trường từ năm học 2021-2022 theo Quyết định 1814/QĐ-UBND ngày 20/4/2021 của UBND Thành phố Hà Nội về việc ban hành Quyết định phê duyệt danh mục sách giáo khoa lớp 2, lớp 6 trong cơ sở giáo dục phổ thông từ năm học 2021-2022 trên địa bàn Thành phố Hà Nội;

- Danh mục sách giáo khoa lớp 7 được sử dụng trong nhà trường từ năm học 2022-2023 theo Quyết định 1706/QĐ-UBND ngày 20/5/2022 của UBND Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt danh mục sách giáo khoa lớp định tiêu chí lựa chọn sách giáo khoa lớp 7, lớp 10 trong cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn Thành phố Hà Nội;

- Danh mục sách giáo khoa lớp 8 được sử dụng trong nhà trường từ năm học 2023-2024 theo QĐ số 2572/QĐ-UBND ngày 04/5/2023 của UBND Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt danh mục sách giáo khoa lớp 8, lớp 11 và sách giáo khoa môn Lịch sử lớp 10 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn thành phố Hà Nội.

- Danh mục sách giáo khoa lớp 9 được sử dụng trong nhà trường từ năm học 2024-2025 theo Quyết định số 3118/QĐ-UBND ngày 13/6/2024 của UBND Thành phố Hà Nội về phê duyệt danh mục sách giáo khoa lớp 9, lớp 12 của cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn thành phố Hà Nội.

#### IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

- Số lượng và tỉ lệ % các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1:

+ Tổng số các tiêu chí đạt:  $28/28 = 100\%$

+ Tổng các tiêu chí không đạt: 0

- Số lượng và tỉ lệ % các tiêu chí đạt và không đạt Mức 2:

+ Tổng số các tiêu chí đạt:  $28/28 = 100\%$

+ Tổng các tiêu chí không đạt:  $0/28 = 0\%$

- Số lượng và tỉ lệ % các tiêu chí đạt và không đạt Mức 3:

+ Tổng số các tiêu chí đạt:  $18/20 = 90\%$

+ Tổng các tiêu chí không đạt:  $02/20 = 10\%$

Căn cứ Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Công văn số 5932/BGDĐT-QLCL ngày 28/12/2018



của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tự đánh giá cơ sở giáo dục phổ thông. Trường THCS Đức Giang tự đánh giá: **Đạt kiểm định chất lượng giáo dục ở mức 2 và Đạt Trường chuẩn quốc gia mức độ I.**

## V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

### 1. Kết quả tuyển sinh

a) Chỉ tiêu được giao năm học 2023 - 2024: 280 học sinh/06 lớp.

b) Kết quả tuyển sinh thực tế: 316 học sinh/07 lớp.

### 2. Quy mô trường, lớp, học sinh

Khối lớp	Tổng số lớp	Tổng số học sinh	Nữ	Số học sinh học 2 buổi /ngày	Số học sinh dân tộc/nữ	Số HSKT học hòa nhập	Số học sinh chuyển đi	Số học sinh chuyển đến
Khối 6	7	316	149	316	4/0	2	5	22
Khối 7	6	247	130	247	2/2	0	6	8
Khối 8	5	214	101	0	1/1	0	7	9
Khối 9	4	178	72	0	4/2	0	7	4
<b>Tổng cộng</b>	<b>22</b>	<b>955</b>	<b>452</b>	<b>563</b>	<b>11/5</b>	<b>2</b>	<b>25</b>	<b>43</b>

### 1. Kết quả đánh giá học sinh:

#### 4.1. Công tác phổ cập giáo dục:

Công tác phổ cập giáo dục: Phối hợp với UBND phường Đức Giang làm tốt công tác điều tra, nhập số liệu, hoàn thành tốt công tác PCGD năm 2023.

#### 4.2. Công tác dạy và học:

##### \* Kết quả thi Giáo viên:

- 02 giáo viên có sáng kiến kinh nghiệm đạt cấp Quận.

- 04/04 giáo viên dự thi GVG cấp Quận và đạt giải trong đó: 01 giải Ba môn Âm nhạc, 01 giải Ba môn Địa lý, 02 GV đạt GVG cấp Quận.

##### \* Kết quả của học sinh:

Tổng số học sinh toàn trường có 955 học sinh, kết quả học tập và rèn luyện về chất lượng đại trà, mũi nhọn như sau:

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	955	316	247	214	178
1	Số học sinh chia theo hạnh kiểm khối 6,7,8	777	316	247	214	
1.1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	777=100% 0%	316=100% 0%	247=100% 100%	214=100% 100%	
1.2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
1.3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
1.4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
2.	<b>Số học sinh chia theo hạnh kiểm khối 9</b>	<b>178</b>				<b>178</b>
2.1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	178=10 0%				178=1 00%
2.2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	0				0
2.3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0				0
2.4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0				0
II	<b>Số học sinh chia theo học lực</b>	<b>777 = 10%</b>	<b>316 = 100%</b>	<b>247 = 100%</b>	<b>214 = 100%</b>	
1	<b>Số học sinh chia theo học lực khối 6,7,8</b>	<b>777 = 10%</b>	<b>316 = 100%</b>	<b>247 = 100%</b>	<b>214 = 100%</b>	
1.1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	517 = 66,54%	204 = 64,56%	178 = 72,06%	135 = 63,08 %	
1.2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	216 = 27,8%	94 29,75%	59 = 23,89%	63 = 29,44 %	
1.3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	44 = 5,66%	18 = 5,7%	10 = 4,05%	16 = 7,48%	
1.4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
2.	<b>Số học sinh chia theo học lực khối 9</b>	<b>178 = 100%</b>				<b>178 = 100%</b>
2.1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	113 = 63,48%				113 = 63,48 %
2.2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	45 = 25,28%				45 = 25,28 %
2.3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	20 = 11,24%				20 = 11,24 %
2.4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0				0
2.5	Kém	0				0

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
	(tỷ lệ so với tổng số)					
<b>III</b>	<b>Tổng hợp kết quả cuối năm</b>	<b>955</b>	<b>316</b>	<b>247</b>	<b>214</b>	<b>178</b>
1.	<b>Tổng hợp cuối năm Khối 6,7,8</b>	<b>777</b>	<b>316</b>	<b>247</b>	<b>214</b>	
1.1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	777 = 100%	316 = 100%	247 = 100%	214 = 100%	
a	Học sinh xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	163 = 20,98%	60 = 18,99%	59 = 23,89%	44 = 20,56 %	
b	Học sinh Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	354 = 45,56%	144 = 24,57%	119 = 48,18%	91 = 42,52 %	
1.2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
1.3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
1.4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
1.5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
1.6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
2.	<b>Tổng hợp cuối năm Khối 9</b>	<b>178</b>				<b>178</b>
2.1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	178 = 100%				178 = 100%
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	113 = 63,48%				113 = 63,48 %
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	45 = 25,28%				45 = 25,28 %
2.2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	0				0
2.3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0				0
2.4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	7/4				7/4
2.5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0				0
2.6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học)	0		0	0	0

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
	(tỷ lệ so với tổng số)					
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	36	0	10	0	1
1	Cấp tỉnh/thành phố	01	0	0	0	1
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	35	0	10	25	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	155	0	0	0	154
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	155	0	0	0	154
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	54=35. 06%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	61=39. 61%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	39=25. 32%
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng công lập (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	415/435	143/147	109/121	83/86	76/79
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	0	0	0	0	0

\* Hoạt động thư viên trường học- xếp loại: Thư viện đạt mức 1

\* Danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng tập thể, cá nhân đề nghị:

- Tập thể:

+ Tập thể lao động tiên tiến cấp Quận.

+ Trường Tiên tiến về TDTT cấp Quận.

- Cá nhân

+ 04 chiến sỹ thi đua cấp cơ sở.

+ CB-GV-NV đạt danh hiệu lao động tiên tiến: 38/38 đ/c đạt 100%.

## VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

### 1. Các chỉ số đánh giá về tài chính.

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Biên độ hoạt động trung bình 3 năm		
2	Chỉ số tăng trưởng bền vững		

## 2. Kết quả thu chi hoạt động.

ĐVT: Triệu đồng.

TT	Chỉ số thống kê	Năm báo cáo (2024)	Năm trước liền kề năm báo cáo (2023)
<b>A</b>	<b>TỔNG THU HOẠT ĐỘNG</b>	<b>8.201</b>	<b>8.529</b>
<b>I</b>	<b>Hỗ trợ chi thường xuyên từ Nhà nước/nhà đầu tư</b>	<b>5.197</b>	<b>5.754</b>
<b>II</b>	<b>Thu giáo dục và đào tạo</b>	<b>3.004</b>	<b>2.775</b>
1	Học phí, lệ phí từ người học	2.581	2.352
2	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN	0	0
3	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài	0	0
4	Thu khác	423	423
<b>III</b>	<b>Thu khoa học và công nghệ</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN	0	0
2	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài	0	0
3	Thu khác	0	0
<b>IV</b>	<b>Thu khác (thu nhập ròng)</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG</b>	<b>8.201</b>	<b>8.201</b>
<b>I</b>	<b>Chi lương, thu nhập</b>	<b>6.363</b>	<b>6.043</b>
1	Chi lương, thu nhập của giảng viên	5.676	5.423
2	Chi lương, thu nhập cho cán bộ khác	687	620
<b>II</b>	<b>Chi cơ sở vật chất và dịch vụ</b>	<b>1.426</b>	<b>1.426</b>
1	Chi cho đào tạo	0	0
2	Chi cho nghiên cứu	0	0
3	Chi cho phát triển đội ngũ	0	0
4	Chi phí chung và chi khác	1.426	1.533
<b>III</b>	<b>Chi hỗ trợ người học</b>		
1	Chi học bổng và hỗ trợ học tập	0	0
2	Chi hoạt động nghiên cứu	0	0
3	Chi hoạt động khác	0	0
<b>IV</b>	<b>Chi khác</b>	<b>145</b>	<b>105</b>
<b>C</b>	<b>CHÊNH LỆCH THU CHI</b>	<b>267</b>	<b>520</b>

## VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

\* *Thực hiện Chương trình 03 của Quận ủy: Kết quả triển khai xây dựng trường học Sáng- Xanh- Sạch- Đẹp- Văn minh:*

- Nhà trường ra quyết định thành lập Ban chỉ đạo và xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện trường học “Sáng- Xanh- Sạch- Đẹp- Văn minh” năm học 2023-2024 bằng những việc làm cụ thể: Trang trí khung cảnh sư phạm đảm bảo nhà trường luôn sáng-xanh-sạch-đẹp- văn minh. Bổ sung nội quy, quy chế ngay từ đầu năm học để đảm bảo thực hiện tốt trật tự văn minh công sở, văn minh đô thị.

- Tổ chức cho 100% CB, GV, NV, CMHS và HS của trường ký cam kết và thực hiện nghiêm túc TTVMĐT trong nhà trường.

\* *Công tác giáo dục nếp sống thanh lịch, văn minh cho học sinh:*

- 100% giáo viên chủ nhiệm dạy đủ tài liệu giáo dục nếp sống thanh lịch văn minh của người Hà Nội theo đúng chỉ đạo của Sở giáo dục, phòng Giáo dục và Đào tạo quận, 100% học sinh được học tài liệu giáo dục nếp sống thanh lịch văn minh.

+ Kết quả: Học sinh có thêm kiến thức hiểu biết, có kĩ năng giao tiếp ứng xử có văn hóa, thực hiện tốt quy định nhà trường, học sinh đoàn kết thân thiện góp phần xây dựng “Trường học thân thiện- học sinh tích cực”; “Nhà trường văn hóa - nhà giáo mẫu mực- học sinh thanh lịch”.

\* *Công tác giáo dục kỹ năng sống, công tác phòng chống tai nạn thương tích, an ninh trường học:*

\* *Công tác giáo dục kỹ năng sống:*

+ Tổ chức mời các chuyên gia về nói chuyện giáo dục đạo đức HS với những chủ đề: Lòng biết ơn, cách phòng tránh tai nạn thương tích, tác hại của thuốc lá, thuốc lá điện tử, cách sử dụng mạng xã hội văn minh an toàn theo đúng luật, cách phòng tránh bạo lực học đường, phòng chống đuối nước, cách ứng xử với cha mẹ và thầy cô, cách lựa chọn trường THPT đúng lực học.

+ Hoạt động: “Làm bánh giầy” và các trò chơi dân gian dịp Tết Nguyên đán.

+ Tổ chức Ngày hội sách và Văn hóa đọc ngày 21/03/2024

\* *Công tác phòng chống tai nạn thương tích:*

+ Ngay đầu năm học, nhà trường xây dựng kế hoạch hoạt động phòng, chống tai nạn, thương tích. Có các biện pháp tuyên truyền, giáo dục, phòng ngừa các bệnh học đường và bảo vệ sức khỏe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh khi đến sinh hoạt học tập tại trường.

+ Truyền thông giáo dục nâng cao nhận thức về xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn, thương tích giúp cho các thành viên nhà trường và toàn thể học sinh. Công tác tuyên truyền được thực hiện thường xuyên trong năm học dưới nhiều hình thức như: góc truyền thông, tranh ảnh,...

+ Kết quả: Trong năm học nhà trường không để xảy ra trường hợp tai nạn thương tích.

\* *Công tác an ninh trường học:*

+ Phối hợp chặt chẽ với lực lượng dân phòng, bảo vệ khu phố, công an khu vực bố trí tuần tra, kiểm soát, chốt trực trước và xung quanh khu vực cổng trường vào những giờ cao điểm, giờ tan học.

+ Xây dựng các biện pháp nhằm thực hiện công tác phòng, chống bạo lực học đường.

+ Thực hiện quy chế phối hợp với công an phường về đảm bảo an ninh trật tự trường học;

*\* Công tác y tế học đường:*

- Nhà trường đã xây dựng kế hoạch, thành lập Ban chỉ đạo công tác phòng chống dịch bệnh năm học 2023-2024, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng cá nhân, bộ phận.

- Duy trì thường xuyên: Vệ sinh trong, ngoài lớp học, khu vực bán trú, khu vệ sinh, nguồn nước uống đảm bảo an toàn.

*\* Các hoạt động về thể dục, thể thao, đoàn đội...*

- Các hoạt động GD văn, thể, mỹ có chuyển biến tích cực theo hướng thực chất:

- Kết quả thi HKPD cấp Quận và Thành phố:

+ Cấp Quận: 01 học sinh đạt giải nhất, 01 học sinh đạt giải nhì, 2 học sinh đạt giải ba.

- Cấp Thành Phố: 01 học sinh đạt huy chương bạc, 02 học sinh đạt huy chương đồng.

- Kết quả các kì thi Toán quốc tế: 145 học sinh tham gia trong đó có 99 học sinh đạt giải Quốc gia và Quốc tế (92 học sinh đạt giải Quốc gia, 7 học sinh đạt giải Quốc tế).

- Liên đội đạt Liên đội mạnh cấp Quận

*\* Kết quả công tác kiểm tra nội bộ trường học:*

- Nhà trường xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ bám sát các văn bản chỉ đạo và đủ hồ sơ theo qui định.

- Công khai kế hoạch, kết quả kiểm tra nội bộ nhà trường hàng tháng theo qui định, niêm yết tại bảng tin phòng HĐ đả CB- GV- NV theo dõi và thực hiện.

- Sau mỗi lần kiểm tra, Ban KTNB họp rút kinh nghiệm đối với GV- NV được kiểm tra, nêu chỉ rõ những ưu điểm, nhược điểm, những biện pháp cần làm để khắc phục kịp thời các tồn tại sau KT.

- Công tác kiểm tra nội bộ nhà trường mang tính thúc đẩy, không hình thức, lưu đầy đủ hồ sơ, biên bản kiểm tra, kết quả kiểm tra theo từng tháng khoa học, đảm bảo thông tin công khai kịp thời trước hội đồng GD, học sinh và phụ huynh, thực hiện công tác thu chi tài chính công khai minh bạch.

*\* Kết quả công tác ứng dụng CNTT:*

B.L  
Đ.S  
G  
ION

Đầu năm học, nhà trường xây dựng kế hoạch về CNTT, chuyển đổi số, thành lập Ban chỉ đạo ứng dụng CNTT, chuyển đổi số, đánh giá, theo dõi kết quả thực hiện thường xuyên, hiệu quả.

- 100% cán bộ, giáo viên nhà trường đã ứng dụng hiệu quả CNTT trong quản lý, điều hành và giảng dạy, tích cực sử dụng thiết bị dạy học.

- 100% GV nhà trường sử dụng sổ điểm, sổ học bạ, quản lý kết quả học tập và rèn luyện của HS trên phần mềm quản lý học sinh.

- Thường xuyên khai thác, cập nhật các thông tin trên cổng thông tin điện tử lớp 1, 2 của trường, quận, ngành, sử dụng có hiệu quả các trang thiết bị hiện đại.

- Thực hiện hiệu quả mô hình trường học điện tử.

*\* Việc thực hiện QCDC, 3 công khai trong trường học:*

- Kết quả thực hiện Quy chế dân chủ: Nhà trường đã tổ chức, triển khai thực hiện tốt QCDC một cách đồng bộ, kịp thời. Công khai tất cả các hoạt động trong nhà trường và giải quyết thỏa đáng các ý kiến của cá nhân trong các cuộc họp hội đồng, họp tổ CM. Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách theo qui định của CB-GV-NV trong năm học.

- Nhà trường đã xây dựng kế hoạch 3 công khai theo thông tư 36 đúng quy định. Lưu đầy đủ hồ sơ theo quy định: Quyết định kiện toàn Ban chỉ đạo thực hiện 3 công khai, Quy chế thực hiện 3 công khai, KH thực hiện 3 công khai, biên bản niêm yết công khai và kết thúc công khai, báo cáo thực hiện 3 công khai.

*\* Công tác quản lý tài chính, tài sản:*

- Hệ thống văn bản chỉ đạo các cấp: Lưu trữ văn bản chỉ đạo đầy đủ, sắp xếp khoa học.

- Công tác quản lý tài chính, tài sản, thu chi tại đơn vị thực hiện theo đúng quy định của nhà nước, dự toán chi tiêu, ngân sách và quy chế chi tiêu nội bộ được nhà trường xây dựng và cấp thẩm quyền phê duyệt. Thực hiện chế độ chính sách với giáo viên, người lao động đúng quy định và kịp thời.

- Hồ sơ quản lý tài sản đầy đủ, cập nhật thường xuyên theo quy định.

*\* Hoạt động thư viện trường học- xếp loại:*

+ Nhà trường đăng ký đạt Thư viện mức độ 1

+ Nhà trường thường xuyên đầu tư mua sách tham khảo, sách nghiệp vụ phục vụ công tác dạy- học.

*\* Việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước trong CBGV, NV;*

- 100% Cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường thực hiện nghiêm túc chủ trương chính sách của Đảng, Pháp luật của nhà nước. Nhà trường luôn đảm bảo đầy đủ chế độ, quyền lợi chính sách, chăm lo đời sống đối với cán bộ, giáo viên, người lao động đúng quy định và kịp thời.



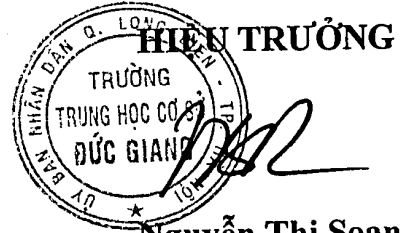
- Chi bộ và BGH tổ chức tuyên truyền, học tập quán triệt các nghị quyết, văn bản chỉ đạo của Đảng, của Trung ương, Thành phố và của Ngành đến từng đảng viên, cán bộ giáo viên, công nhân viên nhà trường.

- Thực hiện nghiêm túc Bộ Quy tắc ứng xử của UBND TP, Sở GD&ĐT và nhà trường.

Số CB, GV-NV vi phạm: Không.

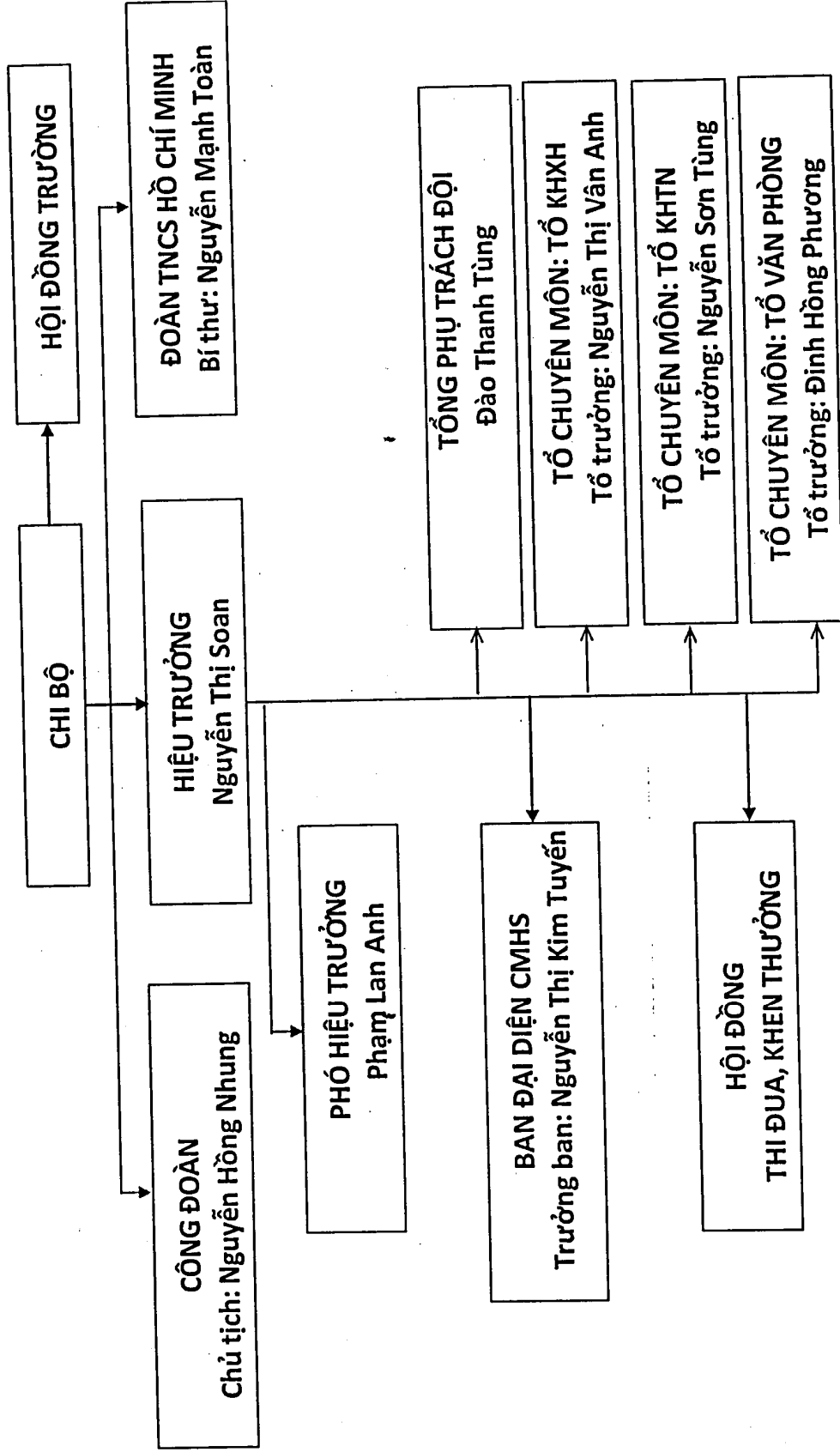
**Nơi nhận:**

- Website nhà trường;
- Lưu VT, hồ sơ công khai.



**Nguyễn Thị Soan**

**SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY TRƯỜNG THCS ĐỨC GIANG**



Diện tích khu đất xây dựng trường; diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh trường THCS Đức Giang có 01 cơ sở tại số 10, tổ 6, ngõ 15, phố Ô Cách, phường Đức Giang, quận Long Biên, thành phố Hà Nội với tổng diện tích 4250 m<sup>2</sup>; diện tích bình quân 4,11 m<sup>2</sup>/HS.

**1. Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật**

- Khối phòng hành chính quản trị: Đáp ứng đầy đủ các yêu cầu hoạt động hành chính quản trị của nhà trường gồm 01 phòng Hiệu trưởng, 02 phòng Phó Hiệu trưởng, 01 văn phòng; 01 phòng bảo vệ đảm bảo yêu cầu cho nhân viên trực, bảo vệ tại cổng trường; 02 khu vệ sinh của giáo viên dành riêng cho nam và nữ sạch sẽ, thuận tiện và có bồn rửa tay, xà phòng, được bố trí theo dãy phòng làm việc; khu để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên có mái che, được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự trường học.

- Khối phòng học tập: nhà trường có 22 phòng học đảm bảo quy cách theo quy định, đảm bảo mỗi lớp học một phòng riêng biệt và 01 phòng dạy Tin học. Các phòng học đều được trang bị hệ thống đèn đảm bảo đủ ánh sáng theo quy định về vệ sinh trường học của Bộ Y tế, hệ thống quạt đảm bảo mát ở các vị trí ngồi của học sinh. Mỗi phòng học được trang bị một tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học cho giáo viên và 01 tivi kết nối internet phục vụ cho việc giảng dạy của giáo viên và việc học tập của học sinh. Nhà trường còn có phòng để dạy các môn Âm nhạc - Mỹ thuật, Công nghệ, Ngoại ngữ và phòng đa chức năng.

- Khối phòng hỗ trợ học tập: Thư viện trường được công nhận thư viện đạt mức 1. Hàng năm nhà trường luôn chú trọng xây dựng kế hoạch, đề ra các biện pháp cải tiến, cải tạo và bổ sung trang thiết bị, cơ sở vật chất để góp phần nâng cao chất lượng phục vụ của thư viện. Diện tích thư viện đảm bảo theo quy định. Phòng Đọc được trang bị đầy đủ các thiết bị theo quy định. Nhà trường có phòng thiết bị giáo dục, phòng tư vấn tâm lý học đường.

- Khối phụ trợ: Trường có 01 phòng họp Hội đồng được trang bị đầy đủ cơ sở vật chất, 01 phòng y tế thoáng mát, vị trí thuận lợi, có trang bị tủ thuốc với các loại thuốc thiết yếu đảm bảo chăm sóc sức khỏe ban đầu cho học sinh theo danh mục thuốc y tế. Phòng y tế có 02 giường bệnh, có máy vi tính và tủ đựng hồ sơ. Nhà kho là nơi để dụng cụ chung và học phẩm của trường. Khu để xe học sinh rộng rãi, có mái che, được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự trường học. Nhà trường có 10 khu vệ sinh của học sinh được bố trí tại các tầng của tòa nhà, dành riêng cho nam và nữ, đảm bảo thuận tiện cho học sinh trong việc sử dụng và đảm bảo vệ sinh môi trường. Ở mỗi khu vệ sinh đều có bồn rửa tay, xà phòng, có đủ ánh sáng và luôn được vệ sinh sạch sẽ, không gây ô nhiễm môi trường. Khuôn viên đảm bảo các yêu cầu về xanh, sạch, đẹp, an toàn và thoáng

mát tạo môi trường thân thiện để tổ chức các hoạt động giáo dục. Cổng trường được xây dựng kiên cố, có gắn biển tên trường đảm bảo an toàn và thẩm mỹ, nội dung biển tên trường đúng theo quy định của Điều lệ Trường THCS.

Khu sân chơi, thể dục thể thao: Sân chơi của trường bằng phẳng, được lát gạch đảm bảo vệ sinh sạch sẽ, an toàn và chống trơn trượt để tổ chức các hoạt động của toàn trường, có cây bóng mát đảm bảo cho học sinh vui chơi.

Khối phục vụ sinh hoạt: Bếp ăn bán trú của trường được xây dựng độc lập với khối phòng học tập và hỗ trợ học tập, dây chuyền hoạt động một chiều, hợp vệ sinh. Nhà ăn rộng rãi, sạch sẽ, thoáng mát, được trang bị đầy đủ các thiết bị, bảo đảm phục vụ cho học sinh.

- Hạ tầng kỹ thuật: Trường có hệ thống thoát nước xung quanh trường theo thiết kế đảm bảo khuôn viên trường không bị ngập nước vào mùa mưa và đảm bảo vệ sinh môi trường. Trường sử dụng nguồn nước sạch dùng cho mọi hoạt động sinh hoạt của nhà trường đáp ứng tốt nhu cầu sử dụng cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh. Hệ thống cấp điện bảo đảm đủ công suất và an toàn phục vụ hoạt động của trường. Hệ thống phòng cháy, chữa cháy bảo đảm theo các quy định hiện hành, thường xuyên kiểm tra, sửa chữa các thiết bị hư hỏng. 100% các lớp và khối phòng hành chính được nhà trường trang bị mạng dây để phục vụ trong công tác quản lý, hoạt động dạy học. Việc thu gom và xử lý rác thải của nhà trường được thực hiện thường xuyên, đảm bảo vệ sinh. Trên sân trường và các khu hành lang lớp học được bố trí nhiều thùng đựng rác đảm bảo vệ sinh môi trường, hệ thống thùng rác lớn thuận tiện cho việc thu gom rác của toàn trường. Nhà trường hợp đồng với công ty môi trường để thu gom rác và xử lý rác đảm bảo yêu cầu vệ sinh trong nhà trường.

## **2. Số thiết bị dạy học hiện có:**

Nhà trường có đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo danh mục thiết bị đồ dùng của Bộ GD&ĐT để phục vụ tốt cho việc giảng dạy của giáo viên, việc học tập của học sinh.